TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TP HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6043 /CT-TTHT
V/v quyết toán thuế TNCN năm 2019 và cấp MST NPT

Hà Nội, ngày 18 tháng 02 năm 2020

Kính gửi:
- Các cơ quan, đơn vị hành chính, sự nghiệp, đoàn thể;
- Các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế.
- Cá nhân có thu nhập chịu thuế TNCN từ tiền lương tiền công

Căn cứ Luật Thuế thu nhập cá nhân (TNCN), Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013, Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014; Thông tư số 128/TT-BTC ngày 05/9/2014, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015, Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16/03/2018 của Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn thi hành.

1. Giải thích từ ngữ được sử dụng trong văn bản này:

- HTKK: Là phần mềm của TCT cung cấp cho NNT, nhằm hỗ trợ nhập dữ liệu kê khai thuế và in tờ khai có mã vạch, kết xuất file dữ liệu theo định dạng chuẩn cho các loại thuế, trong đó có thuế TNCN.
- eTax: Là hệ thống dịch vụ thuế điện-tử nhằm hỗ trợ NNT đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế, tra cứu, quản lý dữ liệu qua mạng internet.
- Phần mềm Kế toán, Quản lý nhân sự (gọi tắt là QLNS): Là các ứng dụng phần mềm kế toán, nhân sự, tiền lương, hoặc các phần mềm ho trợ kê khai khác mà các CQCT đang sử dụng và có các tính năng kết xuất thông tin quyết toán thuế TNCN ra các tệp dữ liệu điện tử theo định dạng chuẩn của CQT và hỗ trợ chức năng in các tờ khai quyết toán thuế TNCN và bảng kê.

2. Từ viết tắt

- TCT: Tổng cục thuế
- CQT: Cơ quan thuế
- ĐKT: Đăng ký thuế
- QTT: Quyết toán thuế
- MST: Mã số thuế
- NNT: Người nộp thuế
- NPT: Người phụ thuộc
- TNCN: Thu nhập cá nhân
- TCTTN: Tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Để thuận lợi cho NNT thực hiện QTT TNCN, Cục Thuế TP Hà Nội hướng dẫn những nội dung lưu ý khi thực hiện quyết toán thuế TNCN năm 2019 và cấp MST NPT như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG PHẢI QUYẾT TOÁN THUẾ TNCN

1. Cá nhân có thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công phải thực hiện quyết toán thuế TNCN

- Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công có trách nhiệm khai quyết toán thuế nếu có số thuế phải nộp thêm.

- Cá nhân có số thuế nộp thừa có đề nghị hoàn hoặc bù trừ vào kỳ khai thuế tiếp theo.

- Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công thuộc diện xét giảm thuế do thiên tai, hoả hoạn, tai nạn, bệnh hiểm nghèo.

- Cá nhân cư trú là người nước ngoài kết thúc hợp đồng làm việc tại Việt Nam phải khai quyết toán thuế với cơ quan thuế trước khi xuất cảnh.

Lưu ý: Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 (ba) tháng trở lên ***tại một đơn vị*** mà có thêm thu nhập vãng lai ở các nơi khác bình quân tháng trong năm không quá 10 (mười) triệu đồng, đã được đơn vị trả thu nhập khấu trừ thuế tại nguồn theo tỷ lệ 10% nếu không có yêu cầu thì không quyết toán thuế đối với phần thu nhập này.

2. Tổ chức trả thu nhập từ tiền lương, tiền công phải thực hiện khai quyết toán thuế TNCN

- Tổ chức trả thu nhập từ tiền lương, tiền công không phân biệt có phát sinh khấu trừ thuế hay không phát sinh khấu trừ thuế có ***trách nhiệm*** khai quyết toán thuế năm và quyết toán thay cho các cá nhân có uỷ quyền.

- Tổ chức trả thu nhập chuyển đổi loại hình doanh nghiệp mà ***bên tiếp nhận kế thừa toàn bộ nghĩa vụ về thuế*** của tổ chức trước chuyển đổi (như chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty trách nhiệm hữu hạn sang Công ty cổ phần hoặc ngược lại; chuyển đổi Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật) thì ***tổ chức trước chuyển đổi không phải khai quyết toán thuế đến*** thời điểm có quyết định về việc chuyển đổi doanh nghiệp và ***không cấp chứng từ khấu trừ thuế*** đối với người lao động được điều chuyển từ tổ chức cũ đến tổ chức mới, ***bên tiếp nhận thực hiện khai quyết toán thuế năm theo quy định***.

- Tổ chức trả thu nhập ***chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể hoặc phá sản*** theo quy định của Luật Doanh nghiệp thì phải quyết toán thuế đối với số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ chậm nhất là ngày thứ 45 (bốn mươi lăm) kể từ ngày chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể hoặc phá sản và ***cấp chứng từ khấu trừ thuế cho người lao động*** để làm cơ sở cho người lao động thực hiện quyết toán thuế thu nhập cá nhân.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

II. ĐỐI TƯỢNG KHÔNG PHẢI THỰC HIỆN QUYẾT TOÁN THUẾ

1. Cá nhân không phải thực hiện quyết toán

- Cá nhân cư trú có số thuế TNCN nộp thừa mà không có yêu cầu hoàn thuế hoặc bù trừ thuế vào kỳ khai thuế tiếp theo.

- Cá nhân cư trú không phát sinh số thuế phải nộp thêm.

- Cá nhân không cư trú tại Việt Nam nhưng có phát sinh khấu trừ hoặc tạm nộp trong năm.

2. Tổ chức không phải thực hiện quyết toán

- Tổ chức không phát sinh chi trả thu nhập từ tiền lương tiền công.

- Tổ chức trả thu nhập giải thể, chấm dứt hoạt động có phát sinh trả thu nhập nhưng ***không phát sinh khấu trừ thuế TNCN*** thì tổ chức trả thu nhập không thực hiện quyết toán thuế TNCN, chỉ cung cấp cho cơ quan thuế danh sách cá nhân đã chi trả thu nhập trong năm (nếu có) theo mẫu số 05/DS-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC chậm nhất là ngày thứ 45 kể từ ngày có quyết định về việc giải thể, chấm dứt hoạt động.

III. ỦY QUYỀN QUYẾT TOÁN THUẾ

1. Cá nhân được ủy quyền quyết toán thuế qua tổ chức trả thu nhập

- Cá nhân chỉ có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên ***tại một tổ chức trả thu nhập*** và thực tế ***đang làm việc tại tổ chức đó vào thời điểm uỷ quyền quyết toán thuế***, kể cả trường hợp cá nhân làm việc không đủ 12 tháng trong năm tại tổ chức, đồng thời có thu nhập vãng lai ở các nơi khác bình quân tháng trong năm không quá 10 triệu đồng đã được đơn vị trả thu nhập khấu trừ đủ thuế 10% mà không có yêu cầu quyết toán thuế đối với phần thu nhập này.

- Trường hợp tổ chức trả thu nhập thực hiện việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi) và người lao động được điều chuyển từ tổ chức cũ đến tổ chức mới được hình thành sau khi tổ chức lại doanh nghiệp, nếu trong năm người lao động không có thêm thu nhập từ tiền lương, tiền công tại một nơi nào khác thì được uỷ quyền quyết toán cho tổ chức mới quyết toán thuế thay, tổ chức mới phải thu lại chứng từ khấu trừ thuế TNCN do tổ chức cũ đã cấp cho người lao động để tổng hợp thu nhập, số thuế đã khấu trừ và QTT TNCN thay cho người lao động.

- Trường hợp điều chuyển người lao động giữa các tổ chức trong cùng một hệ thống như: Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty mẹ - con, Trụ sở chính và chi nhánh thì cũng được áp dụng nguyên tắc ủy quyền QTT như đối với trường hợp tổ chức lại doanh nghiệp.

Lưu ý:

- Tổ chức trả thu nhập chỉ thực hiện nhận ủy quyền quyết toán thay cho cá nhân đối với phần thu nhập từ tiền lương, tiền công mà cá nhân nhận được từ tổ chức trả thu nhập, trừ trường hợp các doanh nghiệp trong năm có chia, tách, hợp

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

nhất, sáp nhập, chuyển đổi và trường hợp người lao động điều chuyển giữa các tổ chức trong cùng một hệ thống như: Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty mẹ - con, Trụ sở chính và chi nhánh.

- Cá nhân được người sử dụng lao động mua bảo hiểm nhân thọ (trừ bảo hiểm hưu trí tự nguyện), bảo hiểm không bắt buộc khác có tích lũy về phí bảo hiểm mà người sử dụng lao động hoặc doanh nghiệp bảo hiểm đã khấu trừ thuế TNCN theo tỷ lệ 10% trên khoản tiền phí bảo hiểm tương ứng với phần người sử dụng lao động theo hướng dẫn tại Khoản 2, Điều 14 Thông tư số 92/2015/TT-BTC thì không phải quyết toán thuế đối với phần thu nhập này.

- Cá nhân ủy quyền cho tổ chức trả thu nhập quyết toán thay theo mẫu số 02/UQ-QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC, kèm theo bản chụp hóa đơn, chứng từ chứng minh đóng góp từ thiện, nhân đạo, khuyến học (nếu có).

- Trường hợp tổ chức trả thu nhập có số lượng lớn người lao động ủy quyền quyết toán thuế thì tổ chức trả thu nhập có thể lập danh sách các cá nhân ủy quyền trong đó phản ánh đầy đủ các nội dung tại mẫu số 02/UQ-QTT-TNCN, đồng thời cam kết tính chính xác, trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu, nội dung trong danh sách.

2. Cá nhân không được ủy quyền quyết toán cho tổ chức trả thu nhập

- Cá nhân đảm bảo điều kiện được ủy quyền quy định tại điểm 1 nêu trên nhưng đã được tổ chức trả thu nhập cấp chứng từ khấu trừ thuế TNCN thì không ủy quyền quyết toán thuế cho tổ chức trả thu nhập (trừ trường hợp tổ chức trả thu nhập đã thu hồi và hủy chứng từ khấu trừ thuế đã cấp cho cá nhân).

- Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên tại một đơn vị nhưng ***vào thời điểm uỷ quyền quyết toán thuế không làm việc tại tổ chức đó.***

- Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên tại một đơn vị, đồng thời có thu nhập vãng lai chưa khấu trừ thuế hoặc khấu trừ thuế chưa đủ (bao gồm trường hợp chưa đến mức khấu trừ và đã đến mức khấu trừ nhưng không khấu trừ).

- Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên tại nhiều nơi.

- Cá nhân chỉ có thu nhập vãng lai đã khấu trừ thuế theo tỷ lệ 10% (kể cả trường hợp có thu nhập vãng lai duy nhất tại một nơi).

- Cá nhân chưa đăng ký mã số thuế

- Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công đồng thời thuộc diện xét giảm thuế do thiên tai, hoả hoạn, tai nạn, bệnh hiểm nghèo thì không uỷ quyền quyết toán thuế mà cá nhân tự khai quyết toán thuế kèm theo hồ sơ xét giảm thuế

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 46 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính.

3. Trường hợp điều chỉnh sau khi đã ủy quyền QTT

Cá nhân sau khi đã ủy quyền quyết toán thuế, tổ chức trả thu nhập đã thực hiện quyết toán thuế thay cho cá nhân, nếu phát hiện cá nhân thuộc diện trực tiếp quyết toán thuế với cơ quan thuế thì tổ chức trả thu nhập không điều chỉnh lại quyết toán thuế TNCN của tổ chức trả thu nhập, chỉ cấp chứng từ khấu trừ thuế cho cá nhân theo số quyết toán và ghi vào góc dưới bên trái của chứng từ khấu trừ thuế nội dung: *"Công ty ... đã quyết toán thuế TNCN thay cho Ông/Bà .... (theo ủy quyền) tại dòng (số thứ tự) ... của Phụ lục Bảng kê 05-1/BK-TNCN"* để cá nhân trực tiếp quyết toán thuế với cơ quan thuế.

IV. MỘT SỐ NỘI DUNG KHÁC

1. Thu nhập chịu thuế

Thu nhập chịu thuế TNCN từ tiền lương tiền công được xác định theo hướng dẫn tại Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013; Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014; Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014; Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính.

Ngoài ra, Cục Thuế lưu ý một số nội dung sau:

- Thu nhập chịu thuế phải quyết toán năm 2019 là tổng thu nhập từ tiền lương tiền công mà cá nhân thực nhận từ 01/01/2019 đến 31/12/2019.

- Khoản tiền thuê nhà, điện nước và các dịch vụ kèm theo (nếu có) đối với nhà ở do đơn vị sử dụng lao động trả thay tính vào thu nhập chịu thuế theo số thực tế trả thay nhưng không vượt quá 15% tổng thu nhập chịu thuế phát sinh (chưa bao gồm tiền thuê nhà, điện nước và dịch vụ kèm theo (nếu có)) tại đơn vị không phân biệt nơi trả thu nhập, không bao gồm: khoản lợi ích về nhà ở, điện nước và các dịch vụ kèm theo (nếu có) đối với nhà ở do người sử dụng lao động xây dựng để cung cấp miễn phí cho người lao động làm việc tại khu công nghiệp; nhà ở do người sử dụng lao động xây dựng tại khu kinh tế, địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn cung cấp miễn phí cho người lao động làm việc tại đó.

- Trường hợp cá nhân ở tại trụ sở làm việc thì thu nhập chịu thuế căn cứ vào tiền thuê nhà hoặc chi phí khấu hao, tiền điện, nước và các dịch vụ khác tính theo tỷ lệ giữa diện tích cá nhân sử dụng với diện tích trụ sở làm việc.

- Các khoản phụ cấp, trợ cấp không tính vào thu nhập chịu thuế được tổng hợp tại Danh mục tổng hợp các khoản phụ cấp, trợ cấp do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành làm cơ sở xác định thu nhập chịu thuế TNCN từ tiền lương, tiền công, ban hành tại ***công văn số 1381/TCT-TNCN ngày 24/4/2014 của Tổng Cục Thuế.***

2. Thu nhập tính thuế bình quân tháng

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

- Trường hợp cá nhân thuộc diện quyết toán thuế theo quy định thì thu nhập chịu thuế của năm là tổng thu nhập chịu thuế của từng tháng được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế đã quy đổi. Trường hợp cá nhân có thu nhập không bao gồm thuế từ nhiều tổ chức trả thu nhập thì thu nhập chịu thuế của năm là tổng thu nhập chịu thuế từng tháng tại các tổ chức trả thu nhập trong năm.

- Trường hợp thu nhập cá nhân nhận được không bao gồm thuế TNCN thì phải thực hiện quy đổi theo hướng dẫn Điều 4 Thông tư số 111/2013/TT-BTC và Điều 14 Thông tư số 92/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Việc quy đổi được thực hiện theo thu nhập thực nhận hàng tháng, khi quyết toán thuế TNCN, thu nhập tính thuế cả năm là tổng thu nhập chịu thuế của từng tháng được xác định trên cơ sở đã quy đổi theo thu nhập thực nhận từng tháng.

- Khi thực hiện quyết toán thuế năm thì thu nhập tính thuế bình quân tháng được xác định bằng tổng thu nhập cả năm (12 tháng) trừ (-) tổng các khoản giảm trừ của cả năm sau đó chia cho 12 tháng, cụ thể như sau:

$$\text{Thu nhập tính thuế bình quân tháng} = \frac{\text{Tổng thu nhập chịu thuế} - \text{Tổng các khoản giảm trừ}}{\text{12 tháng}}$$

- Đối với cá nhân cư trú là người nước ngoài thì thời điểm bắt đầu tính thuế TNCN của cá nhân nước ngoài căn cứ vào ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam của cá nhân cho mục đích làm việc phát sinh thu nhập tại Việt Nam ghi trên hợp đồng hoặc văn bản cử sang làm việc tại Việt Nam.

- Trường hợp cá nhân cư trú là công dân của quốc gia, vùng lãnh thổ đã ký kết Hiệp định với Việt Nam về tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập thì nghĩa vụ thuế TNCN được tính từ tháng đến Việt Nam trong trường hợp cá nhân lần đầu tiên có mặt tại Việt Nam đến tháng kết thúc Hợp đồng lao động và rời Việt Nam (được tính đủ theo tháng) không phải thực hiện các thủ tục xác nhận lãnh sự để được thực hiện không thu thuế trùng hai lần theo Hiệp định tránh đánh thuế trùng giữa hai quốc gia.

Ví dụ 1: *Năm 2019, ông D là công dân của Nhật Bản đến Việt Nam lần đầu tiên vào ngày 05/3/2019 theo Hợp đồng làm việc tại Công ty X, đến ngày* ***25/11/2019 ông D kết thúc Hợp đồng làm việc tại Công ty X và rời Việt Nam****. Hàng tháng ông D nhận được tổng thu nhập từ tiền lương, tiền công (từ công ty tại Việt Nam và tại Nhật Bản trả) là 70 triệu đồng/tháng. Ông D không kê khai người phụ thuộc. Từ ngày 05/3/2019 đến 25/11/2019, ông D có mặt tại Việt Nam là 265 ngày. Như vậy, năm 2019 ông D là cá nhân cư trú tại Việt Nam. Trước khi rời Việt Nam ngày 25/11/2019, ông D thực hiện quyết toán thuế TNCN tại Việt Nam như sau:*

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

- Tổng thu nhập chịu thuế năm 2019: 70 triệu đồng x 9 tháng = 630 triệu đồng

- Khoản giảm trừ gia cảnh cho bản thân ông D năm 2019:

9 triệu đồng x 9 tháng = 81 triệu đồng.

- Thu nhập tính thuế năm 2019:

630 triệu đồng - 81 triệu đồng = 549 triệu đồng

- Thu nhập tính thuế bình quân tháng năm 2019:

549 triệu đồng : 9 tháng = 61 triệu đồng.

3. Các khoản giảm trừ

Các khoản giảm trừ được trừ vào thu nhập chịu thuế của cá nhân trước khi xác định thu nhập tính thuế từ tiền lương, tiền công thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 9 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính và Điều 15 Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính. Cụ thể một số nội dung cần lưu ý như sau:

3.1. Giảm trừ gia cảnh cho bản thân

- Trường hợp trong kỳ tính thuế cá nhân cư trú chưa tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân hoặc tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân chưa đủ 12 tháng thì được tính đủ 12 tháng nếu thực hiện quyết toán thuế theo quy định.

- Đối với cá nhân là công dân của quốc gia, vùng lãnh thổ đã ký kết Hiệp định với Việt Nam về tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập và là cá nhân cư trú tại Việt Nam thì việc tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân được tính **tương ứng với số tháng xác định nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân** phải khai tại Việt Nam theo quy định.

3.2. Giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc

Việc giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc mà người nộp thuế có nghĩa vụ nuôi dưỡng được tính kể từ tháng có phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng theo hướng dẫn tại Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính, cụ thể một số nội dung cần lưu ý như sau:

- Người phụ thuộc đã đăng ký và có đầy đủ hồ sơ chứng minh người phụ thuộc theo quy định tại điểm g, khoản 1, Điều 9 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính thì được tính giảm trừ gia cảnh trong năm 2019, ***kể cả trường hợp người phụ thuộc chưa được cơ quan thuế cấp MST.***

- Trường hợp người nộp thuế đăng ký giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc không có thu nhập hoặc có thu nhập bình quân tháng trong năm từ tất cả các nguồn thu nhập không vượt quá 01 (một) triệu đồng thì người nộp thuế phải cam kết và tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin người phụ thuộc.

- Đối với cá nhân là công dân của quốc gia, vùng lãnh thổ đã ký kết Hiệp định với Việt Nam về tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

loại thuế đánh vào thu nhập và là cá nhân cư trú tại Việt Nam thì việc tính giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc được tính tương ứng với ***số tháng xác định nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân phải khai tại Việt Nam*** theo quy định.

- Trường hợp người nộp thuế đăng ký giảm trừ người phụ thuộc sau thời điểm thực tế phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng nhưng tại Mẫu số 20/ĐK- TCT ban hành kèm theo Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/06/2016 của Bộ Tài chính khai "thời điểm tính giảm trừ" **đúng với thời điểm thực tế phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng** thì khi quyết toán thuế TNCN được tính lại theo thực tế phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng mà ***không phải đăng ký lại.*** Trường hợp tại Mẫu số 20/ĐK-TCT khai "thời điểm tính giảm trừ" ***sau thời điểm thực tế phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng***, nếu cá nhân thuộc diện phải quyết toán thuế thì khi quyết toán thuế để được tính lại theo thực tế phát sinh, cá nhân đăng ký lại tại Mẫu số 20/ĐK- TCT ban hành kèm theo Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/06/2016 của Bộ Tài chính và ***gửi kèm theo hồ sơ quyết toán thuế***.

Ví dụ 2: *Giả sử tháng 3/2019 bà A sinh con, tháng 8/2019 bà A đăng ký giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc, tại Mẫu số* 20/ĐK- TCT *bà A khai chỉ tiêu "thời điểm tính giảm trừ" là tháng 3/2019 thì trong năm bà A được tạm tính giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc kể từ tháng 8/2019, khi quyết toán bà A được tính giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc từ tháng 3/2019 đến hết tháng 12/2019 mà không phải đăng ký lại. Trường hợp tại Mẫu số 20/ĐK-TCT bà A khai chỉ tiêu "thời điểm tính giảm trừ" là tháng 8/2019 thì trong năm bà A được tạm tính giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc kể từ tháng 8/2019, khi quyết toán để được tính lại theo thực tế phát sinh từ tháng 3/2019 thì bà A phải đăng ký lại theo thực tế phát sinh tại Mẫu số 20/ĐK- TCT (từ tháng 3/2019) và gửi kèm theo hồ sơ quyết toán thuế.*

- Trường hợp người nộp thuế chưa tính giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc trong năm tính thuế thì được tính giảm trừ gia cảnh cho NPT kể từ tháng phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng khi người nộp thuế thực hiện ủy quyền quyết toán thuế và đã khai đầy đủ thông tin NPT gửi cho tổ chức trả thu nhập thì tổ chức trả thu nhập kê khai vào mẫu phụ lục Bảng kê 05-3/BK-QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính và tính giảm trừ người phụ thuộc cho người nộp thuế.

- Trường hợp người nộp thuế có phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng đối với người phụ thuộc khác ***không nơi nương tựa*** hướng dẫn tại tiết d.4, điểm d, khoản 1, Điều 9 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính (như: anh, chị, em ruột; ông, bà nội ngoại; cô, dì...) thì thời hạn đăng ký giảm trừ gia cảnh chậm nhất là ngày 31/12/2019, nếu đăng ký giảm trừ gia cảnh quá thời hạn nêu trên người nộp thuế không được giảm trừ gia cảnh đối với người phụ thuộc đó cho năm 2019.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

- Mỗi người phụ thuộc chỉ được tính ***giảm trừ một lần*** vào ***một người nộp thuế trong năm tính thuế***. Trường hợp nhiều người nộp thuế có chung người phụ thuộc phải nuôi dưỡng thì người nộp thuế tự thoả thuận để đăng ký giảm trừ gia cảnh vào một người nộp thuế.

3.3. Điều kiện để xác định người khuyết tật, không có khả năng lao động là người phụ thuộc

Người khuyết tật, không có khả năng lao động theo hướng dẫn tại tiết đ.1.1, điểm đ, khoản 1, Điều 9 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính là những người thuộc diện điều chỉnh của pháp luật về người khuyết tật, người mắc bệnh hiểm nghèo và không có khả năng lao động. Danh mục bệnh hiểm nghèo được áp dụng theo ***công văn số 6383/BTC-TCT ngày 18/5/2015*** của Bộ Tài chính về việc xác định cá nhân mắc bệnh hiểm nghèo được xét giảm thuế thu nhập cá nhân.

V. QUYẾT TOÁN THUẾ TNCN

1. Hồ sơ quyết toán thuế TNCN

Hồ sơ khai quyết toán thuế TNCN năm 2019 thực hiện theo hướng dẫn tại điểm b.2, khoản 1; điểm b.2, khoản 2, Điều 16 Thông tư số 156/TT-BTC ngày 06/11/2013; Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014; Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 và Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính.

1.1 Đối với tổ chức trả thu nhập

- Tờ khai quyết toán thuế mẫu số 05/QTT-TNCN và các bảng kê số 05-1/BK-QTT-TNCN 05-2/BK-QTT-TNCN, 05-3/BK-QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC.

Lưu ý:

- Tại bảng kê 05-1/BK-QTT-TNCN và 05-2/BK-QTT-TNCN phải đảm bảo 100% NNT có mã số thuế.

- Các tổ chức trả thu nhập khi kê khai quyết toán thuế điền đầy đủ các thông tin sau: địa chỉ chính xác để liên hệ, số điện thoại và địa chỉ email.

- Không khấu trừ số thuế TNCN đã nộp tại nước ngoài khi kê khai quyết toán tại qua cơ quan chi trả thu nhập.

- Tại bảng kê 05-3/BK-QTT-TNCN thực hiện kê khai thời gian giảm trừ gia cảnh trong năm 2019.

1.2 Đối với cá nhân quyết toán với CQT

- Tờ khai quyết toán thuế mẫu số 02/QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC.

- Phụ lục mẫu số 02-1/BK-QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC nếu có đăng ký giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc.

- Bản chụp các chứng từ chứng minh số thuế đã khấu trừ, đã tạm nộp trong

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

năm, số thuế đã nộp ở nước ngoài (nếu có). Cá nhân cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin trên bản chụp đó. Trường hợp tổ chức trả thu nhập không cấp chứng từ khấu trừ thuế cho cá nhân do tổ chức trả thu nhập đã chấm dứt hoạt động thì cơ quan thuế căn cứ cơ sở dữ liệu của ngành thuế để xem xét xử lý hồ sơ quyết toán thuế cho cá nhân mà không bắt buộc phải có chứng từ khấu trừ thuế.

Trường hợp, theo quy định của luật pháp nước ngoài, cơ quan thuế nước ngoài không cấp giấy xác nhận số thuế đã nộp, người nộp thuế có thể nộp bản chụp Giấy chứng nhận khấu trừ thuế (ghi rõ đã nộp thuế theo tờ khai thuế thu nhập nào) do cơ quan trả thu nhập cấp hoặc bản chụp chứng từ ngân hàng đối với số thuế đã nộp ở nước ngoài có xác nhận của người nộp thuế.

- Bản chụp các hoá đơn chứng từ chứng minh khoản đóng góp vào quỹ từ thiện, quỹ nhân đạo, quỹ khuyến học trong năm tính thuế (nếu có).

- Trường hợp cá nhân nhận thu nhập từ các tổ chức Quốc tế, Đại sứ quán, Lãnh sự quán và nhận thu nhập từ nước ngoài phải có tài liệu chứng minh về số tiền đã trả của đơn vị, tổ chức trả thu nhập ở nước ngoài.

Lưu ý:

- Khi kê khai quyết toán thuế các cá nhân điền đầy đủ các thông tin sau: địa chỉ chính xác để liên hệ, số điện thoại, email, ***họ tên và tên của vợ hoặc chồng, mã số thuế của vợ hoặc chồng hoặc số chứng minh thư.***

- Đối với hồ sơ hoàn thuế đề nghị ghi chính xác số tài khoản ngân hàng, tên ngân hàng – chi nhánh.

- Chỉ tiêu số [37] - Đã khấu trừ - tại mẫu 02/QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ghi số thuế TCTTN đã khấu trừ (có kèm chứng từ khấu trừ thuế TNCN).

- Chỉ tiêu số [38] - Đã tạm nộp- tại mẫu 02/QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ghi số thuế TNCN mà cá nhân đã nộp vào ngân sách nhà nước theo mã số thuế của cá nhân người nộp thuế.

2. Nơi nộp hồ sơ quyết toán thuế

2.1 Đối với tổ chức trả thu nhập

Theo hướng dẫn tại khoản 1, Điều 16 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính thì nơi nộp hồ sơ quyết toán thuế TNCN đối với tổ chức trả thu nhập như sau:

- Tổ chức trả thu nhập là cơ sở sản xuất, kinh doanh nộp hồ sơ khai thuế tại cơ quan thuế trực tiếp quản lý tổ chức.

- Tổ chức trả thu nhập là cơ quan Trung ương; cơ quan thuộc, trực thuộc Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh; cơ quan cấp tỉnh nộp hồ sơ khai thuế tại Cục Thuế nơi tổ chức đóng trụ sở chính.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

- Tổ chức trả thu nhập là cơ quan thuộc, trực thuộc UBND cấp huyện; cơ quan cấp huyện nộp hồ sơ khai thuế tại Chi cục Thuế nơi tổ chức đóng trụ sở chính.

- Tổ chức trả thu nhập là các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế, văn phòng đại diện của các tổ chức nước ngoài nộp hồ sơ khai thuế tại Cục Thuế nơi tổ chức đóng trụ sở chính.

2.2 Đối với cá nhân quyết toán thuế trực tiếp với cơ quan thuế

Theo hướng dẫn tại điểm c, khoản 3, Điều 21 Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính thì nơi nộp hồ sơ quyết toán của cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công như sau:

- Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ***trực tiếp khai thuế trong năm*** thì nơi nộp hồ sơ quyết toán thuế là cơ quan thuế nơi cá nhân nộp hồ sơ khai thuế trong năm.

- Cá nhân đang tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân tại tổ chức trả thu nhập nào thì nộp hồ sơ quyết toán thuế tại ***cơ quan thuế trực tiếp quản lý tổ chức trả thu nhập đó***.

- Trường hợp cá nhân có thay đổi nơi làm việc và tại tổ chức trả thu nhập cuối cùng có tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân thì nộp hồ sơ quyết toán thuế tại ***cơ quan thuế quản lý tổ chức trả thu nhập cuối cùng***.

Ví dụ 3: *Năm 2019, ông S làm việc tại TP Hồ Chí Minh và thuộc diện phải trực tiếp quyết toán thuế TNCN. Tháng 02/2020, ông S chuyển ra Hà Nội làm việc tại Công ty A do Chi cục Thuế quận Hoàn Kiếm quản lý và cư trú tại Chi cục Thuế quận Tây Hồ. Như vậy, Ông S nộp hồ sơ quyết toán thuế TNCN năm 2019 tại Chi cục Thuế quận Hoàn Kiếm nếu tại thời điểm quyết toán năm 2019, Ông S đang được tính giảm trừ bản thân tại Công ty A.*

- Cá nhân nộp hồ sơ quyết toán thuế tại ***Chi cục Thuế nơi cá nhân cư trú*** (nơi đăng ký thường trú hoặc tạm trú) bao gồm:

+ Cá nhân có thay đổi nơi làm việc và tại tổ chức trả thu nhập cuối cùng không tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân.

+ Cá nhân chưa tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân ở bất kỳ tổ chức trả thu nhập nào.

+ Cá nhân không ký hợp đồng lao động, hoặc ký hợp đồng lao động dưới 03 tháng, hoặc ký hợp đồng cung cấp dịch vụ có thu nhập tại một nơi hoặc nhiều nơi đã khấu trừ 10%.

+ Cá nhân trong năm có thu nhập từ tiền lương, tiền công tại một nơi hoặc nhiều nơi nhưng tại thời điểm quyết toán không làm việc tại tổ chức trả thu nhập nào.

- Trường hợp cá nhân cư trú tại nhiều nơi và thuộc diện quyết toán thuế tại cơ quan thuế nơi cá nhân cư trú thì cá nhân lựa chọn một nơi cư trú để quyết toán thuế.

- Cá nhân sử dụng ứng dụng để gửi file dữ liệu tại trang web

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

http://thuedientu.gdt.gov.vn (eTax) thì sẽ được ứng dụng hỗ trợ tự động xác định cơ quan thuế nộp hồ sơ quyết toán thuế sau khi cá nhân khai đầy đủ các thông tin trên ứng dụng.

3. Thời hạn nộp hồ sơ quyết toán

3.1. Đối với cá nhân trực tiếp quyết toán thuế với cơ quan thuế

- Cá nhân có số thuế phải nộp thêm thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế năm 2019 chậm nhất là ngày 30/03/2020.

- Cá nhân có số thuế nộp thừa, yêu cầu hoàn thuế hoặc bù trừ thuế vào kỳ khai thuế tiếp theo thì cá nhân có thể **nộp hồ sơ bất cứ thời điểm nào kể từ ngày kết thúc năm tính thuế.**

3.2. Đối với tổ chức chi trả thu nhập

- Tổ chức chi trả thu nhập phải quyết toán theo năm dương lịch thì thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế năm 2019 chậm nhất là ngày 30/03/2020.

- Tổ chức trả thu nhập ***chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể hoặc phá sản*** theo quy định của Luật Doanh nghiệp thì phải quyết toán thuế đối với số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ chậm nhất là ngày thứ 45 (bốn mươi lăm) kể từ ngày chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể hoặc phá sản.

VI. KÊ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ TNCN

Cục Thuế TP Hà Nội triển khai hệ thống dịch vụ thuế điện tử đối với các tờ khai thuế và tờ khai Quyết toán thuế TNCN mẫu: 02/QTT-TNCN, 05/KK-TNCN, 05/QTT-TNCN; 05/DS-TNCN, 13/KK-TNCN, Tờ khai đăng ký thuế qua cơ quan chi trả 05-ĐK-TH-TCT, tờ khai cấp mã số thuế cho người phụ thuộc mẫu 02TH trên hệ thống thuế điện tử (eTax) tại địa chỉ http://thuedientu.gdt.gov.vn tới NNT, cụ thể như sau:

- Đối với các tổ chức trả thu nhập có sử dụng chữ ký số TCTTN truy cập vào cổng thông tin điện tử http://thuedientu.gdt.gov.vn. để gửi dữ liệu cho CQT; Tổ chức trả thu nhập khai thuế điện tử không gửi hồ sơ QTT bằng bản giấy.

- Cá nhân và tổ chức trả thu nhập chưa sử dụng chữ ký số thực hiện kê khai tờ khai QTT TNCN sẽ thực hiện nộp quyết toán thuế bằng bản giấy có ký đóng dấu và đồng thời gửi file dữ liệu tại trang web http://thuedientu.gdt.gov.vn hoặc copy file mềm vào usb khi nộp bản giấy cho CQT.

Lưu ý:

Cá nhân và Tổ chức trả thu nhập kết xuất dữ liệu file Excel để lưu, ***kết xuất dữ liệu file XML để gửi CQT.***

Trên trang web của Cục thuế TP Hà Nội http://hanoi.gdt.gov.vn có đăng tải các phần mềm, tài liệu hướng dẫn cài đặt, các bước kê khai QTT TNCN để các cá nhân và tổ chức trả thu nhập dễ dàng thực hiện quyết toán thuế TNCN năm 2019.

Lưu ý:

- Với trường hợp file dữ liệu có dung lượng lớn mà phần mềm HTKK không

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

kết xuất thì CQCT liên hệ với CQT quản lý trực tiếp để được hướng dẫn và hỗ trợ.

- Tổ chức trả thu nhập thông báo, hướng dẫn người lao động thuộc đơn vị QTT trực tiếp với CQT như sau: Các cá nhân thuộc diện phải QTT nếu không thuộc diện ủy quyền cho tổ chức trả thu nhập quyết toán thay thì thực hiện QTT trực tiếp với CQT, thực hiện các bước tương tự như tổ chức trả thu nhập.

VII. CẤP MÃ SỐ THUẾ NGƯỜI PHỤ THUỘC

Thực hiện theo Phụ lục số 01 kèm theo công văn này.

Cục Thuế TP Hà Nội khuyến cáo:

- Các tổ chức, cá nhân nên nộp hồ sơ QTT TNCN trước thời hạn để tránh ùn tắc trong giai đoạn cao điểm.

- Đối với trường hợp nộp hồ sơ QTT TNCN bằng bản giấy thì nên sử dụng phương thức nộp hồ sơ qua đường bưu điện để tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại, tránh tập trung đông người nhằm phòng chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do virut corona gây ra. Khi nộp hồ sơ qua đường bưu điện, NNT thực hiện khai đầy đủ thông tin về họ tên, địa chỉ liên lạc, địa chỉ email, số điện thoại để cơ quan thuế có thể thông tin, liên lạc với NNT nếu hồ sơ khai thuế cần bổ sung, hoàn thiện.

- Trường hợp cá nhân có số thuế TNCN nộp thừa có yêu cầu hoàn thuế hoặc bù trừ thuế vào kỳ sau thì nên nộp sau ngày 30/03/2020.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc NNT liên hệ với cơ quan thuế trực tiếp quản lý để được hướng dẫn và hỗ trợ./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lãnh đạo Cục Thuế;
- Các Chi cục Thuế quận, huyện thị xã, khu vực;
- Các Phòng CNTK; DTPC; KKKTT; CNTT;
- Lưu: VT, TTHT(2). (51; 3)

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC THUẾ THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Tiến Trường

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật